

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh

Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2022/HNGĐ- ST, ngày 14 tháng 4 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX - HNGĐ, ngày 27/5/2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 14/2022/TB-TA ngày 16/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn A, xã Cẩm Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (*vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ cuối cùng trước khi xuất cảnh: Số nhà 172, đường Nguyễn Huy T, phường Nguyễn D, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (*Hiện đang Lao động tại Serbia - Vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Phương trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn Đ là vợ chồng, trước khi đi đến kết hôn, hai người được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2016 tại UBND xã Cẩm Qu, huyện Cẩm Xu, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm gì đến nhau và hai người đã sống ly thân khoảng 4 năm nay. Hiện nay anh Trương Văn Đ đang làm ăn ở nước ngoài và chị P cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài như thế nào vì từ lâu hai người không còn liên lạc với nhau. Nay chị Lê Thị Ph nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn Đ để hai người sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 1 con chung là cháu Trương Linh Đ, sinh ngày 17/5/2017. Chị P có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do điều kiện công việc chị không thể tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P. Về tình cảm: xử cho chị Lê Thị Ph được ly hôn với anh Trương Văn Đ; về con chung: Giao cháu Trương Linh Đ, sinh ngày 17/5/2017 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trương Văn Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] .Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Ph chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng của anh Trương Văn Đ trước khi xuất cảnh mà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh Đ ở nước ngoài như thế nào. Vì vậy, Tòa án đã đề nghị Cục quản lý xuất nhập cảnh cung cấp thông tin xuất nhập cảnh về anh Trương Văn Đ. Tại công văn số 6206/QLXNC - P5, ngày 24/3/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh Trương Văn Đ, sinh ngày 13/3/1992 xuất cảnh lần cuối vào ngày 16/02/2022 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] . Ngoài ra, để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Trương Văn Đ thông qua người thân là ông Trương Văn T (Bố đẻ anh Đ). Theo đó, ông Trương Văn T cho biết anh Trương Văn Đ và chị Lê Thị P là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2016 và được gia đình nội ngoại hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ, chị P chủ yếu sống cùng gia đình bên ngoại nhà chị Phương. Hiện nay anh Trương Văn Đ đang lao động ở Cộng hòa Serbia và vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Tuy nhiên, ông Trương Văn T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Cộng hòa Serbia. Ngoài ra, sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc ly hôn giữa chị P và anh Đ do Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh gửi về, gia đình ông Tr đã thông tin lại cho anh Đ được biết. Trao đổi qua điện thoại, anh Đ có nói việc ly hôn là tùy ở chị P. Tại các buổi xác

minh, làm việc ông Trương Văn T cũng đề nghị Tòa án gửi các văn bản, tài liệu liên quan cho anh Đài thông qua ông để ông thông tin lại cho anh Đ được biết.

Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; nguyên đơn chị Lê Thị P cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh Đ theo quy định.

2. Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Chị Lê Thị P và anh Trương Văn Đ là vợ chồng, trước khi đi đến kết hôn, hai người được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/10/2016 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người thường xảy ra bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau và đến nay hai người đã không còn liên lạc gì với nhau nữa. Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị P và anh Đ không đạt được mục đích đó. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị P với anh Trương Văn Đ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Trương Linh Đ, sinh ngày 17/5/2017. Xét thấy, lâu nay con chung giữa hai người do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng và chị P cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đối với anh Trương Văn Đ hiện nay đang làm ăn ở nước ngoài nên xét về điều kiện, hoàn cảnh của mỗi người và điều kiện để con chung giữa hai người ổn định cuộc sống, phát triển đầy đủ thì cần giao cháu Trương Linh Đ cho chị Lê Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Trương Văn Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và anh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng

không rõ địa chỉ; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị P được ly hôn với anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Linh Đ, sinh ngày 17/5/2017 cho chị Lê Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trương Linh Đ tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Trương Văn Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000157, ngày 13/4/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Cẩm Q;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương Huyền